TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 51/2022/HNGĐ - ST
Ngày 19 - 8 - 2022
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Dương
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông: Lò Văn Sung
Ông Lê Anh Tuấn

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thuý Dần- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Ngày 19/8/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2021/TLST - HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2022/QĐXXST - DS ngày 30 tháng 6 năm 2022 và Quyết định Hoãn phiên toà số 42/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lò Văn H. Sinh năm 1976
Địa chỉ: Bản N, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.
2. Bị đơn: Chị Lường Thị Ch. Sinh năm 1980
Địa chỉ: Bản N, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.
(Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 28/12/2021 và tại phiên toà nguyên đơn Anh Lò Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lò Văn H và chị Lường Thị Ch chung sống với nhau từ năm 2001 nhưng đến ngày 24/9/2013 mới đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Na Tông, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Anh và chị Ch chung sống và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc. Anh chị chung sống hoà thuận hạnh phúc đến tháng 3 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. anh chị đã được gia đình hoà giải nhưng không được, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2020 cho đến nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Xét thấy, tình cảm giữa anh và chị Ch, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân

không đạt được, nên anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lường Thị Ch.

Về con chung: Anh Lò Văn H và chị Lường Thị Ch có 02 con chung là Lò Văn H, sinh ngày 18/02/2002 và cháu Lò Thị Th sinh ngày 18/02/2004. Tại thời điểm xét xử, cả 02 con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên anh H không yêu cầu Toà án giải quyết về con chung.

Về tài sản:

- Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả; nợ lấy về; diện tích ruộng: Anh H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản hoà giải ngày 28/02/2022 bị đơn chị Lường Thị Ch trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Việc chung sống và kết hôn giữa chị và anh H đúng như anh H trình bày. Trong quá trình chung sống cùng nhau, hai vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân như anh H đã trình bày trong đơn xin ly hôn. Mặc dù tình cảm không còn nhưng do anh H không chịu chia tài sản cho chị nên chị chưa nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lò Văn H, sinh ngày 18/02/2002 và cháu Lò Thị Th sinh ngày 18/02/2004. Cháu H đã thành niên và có khả năng lao động nên chị không có ý kiến gì. Còn cháu Thảo, chị nhất trí sẽ do anh H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chị không đề nghị Toà án giải quyết.

Về tài sản:

Tài sản riêng: Không có.

Tài sản chung gồm: Một nhà sàn gỗ 5 gian và hai gian bếp liền kề; 01 máy sát trị giá hơn 5 triệu; máy phay trị giá 18 triệu; một máy tuốt trị giá 23 triệu; một xe máy trị giá 18 triệu; một xe máy mới trị giá 25 triệu; 05 giường, 01 tủ quần áo. Số tài sản này do anh H đang quản lý nhưng chúng tôi chưa chia. Việc chia tài sản tôi yêu cầu anh H chia cho tôi một phần tài sản trị giá 100 triệu và đất ruộng khoảng 4000m, đất nương khoảng 3.000m đất ở khoảng 400m. Chị Ch đề nghị Toà án cho chị và anh H tự thoả thuận phân chia tài sản chung. Nếu không thoả thuận được, chị Ch sẽ yêu cầu Toà án giải quyết sau.

Tại phiên toà, chị Ch đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Anh Lò Văn H yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Lường Thị Ch. Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn. Chị Ch có hộ khẩu thường trú tại Bản Na Ố, xã Na Tông, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, Tòa án mở phiên tòa nhưng chị Ch vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử đã Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022, Tòa án mở phiên tòa, chị Ch đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227/BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Ch.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Lò Văn H và chị Lường Thị Ch chung sống với nhau từ năm 2001 nhưng đến ngày 24/9/2013 mới đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Na Tông, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Anh chị chung sống và kết hôn với nhau là tự nguyện, không bị ai ép buộc và tuân thủ đầy đủ các qui định của pháp luật về điều kiện kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị Ch là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H và chị Ch đều khai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, mặc dù đã được gia đình hoà giải nhiều nhưng không thành. Anh H và chị Ch đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2020 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết, mặc dù chị Ch không nhất chí ly hôn với lý do anh H không chia tài sản cho chị nhưng Hội đồng xét xử nhận định, mâu thuẫn giữa anh H và chị Ch là có thật, vợ chồng đã không làm tròn nghĩa vụ với nhau, thiếu quan tâm chăm sóc nhau nên đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Mâu thuẫn giữa anh chị đã làm hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của anh H.

[3] Về con chung: Anh Lò Văn H và chị Lường Thị Ch có 02 con chung là Lò Văn H, sinh ngày 18/02/2002 và cháu Lò Thị Th sinh ngày 18/02/2004. Tại thời điểm xét xử, cả 02 con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên anh H không yêu cầu Toà án giải quyết về con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, tại thời điểm anh H nộp đơn yêu cầu Toà án giải quyết vụ án, cháu Lò Thị Th sinh ngày 18/2/2004 chưa thanh niên. Tuy nhiên tại thời điểm Toà án xét xử, cháu Lò Thị Th đã thành niên và có khả năng lao động. Tại phiên toà anh H không yêu cầu Toà án giải quyết về con chung là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản:

Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng: Anh H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Ch khai: Tài sản riêng: Không có.

Tài sản chung gồm: Một nhà sàn gỗ 5 gian và hai gian bếp liền kề; 01 máy sát trị giá hơn 5 triệu; máy phay trị giá 18 triệu; một máy tuốt trị giá 23 triệu; một xe máy trị giá 18 triệu; một xe máy mới trị giá 25 triệu; 05 giường, 01 tủ quần áo. Số tài sản này do anh H đang quản lý. Chị Ch yêu cầu anh H chia cho chị một phần tài sản trị giá 100 triệu và đất ruộng khoảng 4000m, đất nương khoảng 3.000m đất ở khoảng 400m. Tuy nhiên chị Ch đề nghị Toà án cho chị và anh H tự thoả thuận phân chia tài sản chung. Nếu không thoả thuận được, chị Ch sẽ yêu cầu Toà án giải quyết sau. Vì vậy,

Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về phần tài sản chung giữa anh H và chị Ch trong vụ án này. Nếu anh H và chị Ch có yêu cầu chia tài sản chung thì sẽ được Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, anh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên anh H là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, anh H đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh. Vì vậy theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, anh H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lò Văn H được ly hôn chị Lường Thị Ch.

2. Về con chung: 02 con chung là Lò Văn H, sinh ngày 18/02/2002 và cháu Lò Thị Th sinh ngày 18/02/2004 đã thành niên và có khả năng lao động nên anh H không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Về tài sản:

- Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả; nợ lấy về; diện tích ruộng: anh H và chị Ch không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Lò Văn H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Lò Văn H có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19/8/2022). Chị Lường Thị Ch vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *TAND Tỉnh*
- *VKSND H.ĐB*
- *Chi cục THSDS H.ĐB;*
- *Đương sự;*
- *UBND xã Na Tông;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đặng Thị Thùy Dương